

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

Bản án số: 10/2017/DS - ST

Ngày: 15-9-2017

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Ngọc Đại
2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Trong các ngày 22 tháng 8 năm 2017 và ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2016/TLST - DS ngày 27 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 và Quyết định ngừng phiên tòa số 02/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Tổ 12, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Số nhà 3, ngõ 1, tổ 4, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày 22 tháng 8 năm 2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày: Do quen biết bà Trần Thị Thanh V nên bà cho bà V vay tiền nhiều lần từ năm 2010 đến năm 2014, mỗi lần vay từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đến cuối năm 2012 bà V nợ bà tổng số tiền lên

50.000.000 đồng. Bà V có viết giấy và hứa trả cho bà cuối năm 2012 là 50.000.000đ nhưng bà V không trả cho bà. Cuối năm 2013, bà V hỏi bà vay 50.000.000 đồng, bà lại cho bà V vay tiếp 50.000.000 đồng, cộng 50.000.000 đồng cũ từ năm 2012 là 100.000.000 đồng. Khi vay bà V có hứa trả lãi nhưng thực tế bà V không trả cho bà đồng lãi nào. Bà V cứ hứa hẹn trả cho bà song lại thất hứa. Mỗi lần thất hứa bà yêu cầu bà V lại viết lại giấy vay và hẹn trả bà. Số tiền 100.000.000 đồng bà V có ghi ở nhiều giấy khác nhau, có giấy 75.000.000đồng, có giấy 50.000.000 đồng, có giấy 25.000.000 đồng và có giấy 15.000.000đồng ...bà đã nộp cho Tòa án. Thỉnh thoảng bà V có trả cho bà 50.000 đồng hoặc 100.000 đồng ở ngoài đường, nơi bà bán hàng hoặc nhà trọ của bà. Tổng cộng bà xác định bà V đã trả cho bà số tiền là 10.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà V trả bà tiền gốc là 90.000.000đồng, về tiền lãi bà không yêu cầu bà V phải trả nhưng khi bản án có hiệu lực, bà V không chịu trả thì bà V phải trả tiền lãi chậm trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tại phiên ngày 22 tháng 8 năm 2017, do bà V không chịu nhận số tiền còn nợ là 90.000.000đồng nên bà N đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để bà nộp thêm các tài liệu chứng cứ và bà sẽ gọi thêm những người làm chứng đến để chứng minh bà V nợ bà tiền. Ngày 28 tháng 8 năm 2017 bà N đến tòa nộp thêm các tài liệu và ngày 05 tháng 9 năm 2017 bà lại đến tòa xin rút lại một số tài liệu đã nộp và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 02 giấy vay nợ bà V viết ngày 12/12/2014 số tiền 50.000.000đ và ngày 10/8/2014 số tiền 50.000.000đ để giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 14 tháng 9 năm 2017, bà N không báo thêm ai đến để làm chứng cho việc vay nợ giữa bà và bà V. Bà đề nghị Tòa án buộc bà V phải trả bà số tiền gốc đã vay bà từ năm 2010 đến 2014 là 100.000.000 đồng, bà xác định bà V đã trả 10.000.000 đồng, nay phải trả tiếp bà 90.000.000đồng. Tài liệu chứng minh bà V nợ bà là 02 tờ giấy do bà V viết, cụ thể: 01 tờ ghi “*phúc yên ngày 10.8 âm lịch em vay của chị Nguyệt 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) hẹn đến ngày 20.12 âm lịch tôi trả....*” và 01 tờ ghi “*Hôm nay ngày 12.12.2014 tôi mượn của chị Nguyệt 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng). Tôi hẹn chị đúng ngày 30.4.2015 âm lịch tôi trả...*”. Việc vay mượn chỉ có bà và bà V không liên quan đến chồng bà V, trong giấy vay có ghi tên chồng bà V là ông Nguyễn Văn H, nhưng ông H không biết và không liên quan nên bà đề nghị Tòa án không báo ông H ra Tòa án làm việc. Về tiền lãi khi cho vay bà V có nói

trả lãi nhưng thực tế bà V chưa trả cho bà đồng lãi nào nên bà xác định bà cho bà V vay tiền không có lãi và không yêu cầu Tòa án tính lãi, sau khi Tòa án xử nếu bà V không trả thì Tòa án buộc bà V phải trả theo lãi suất chậm trả theo Bộ luật dân sự năm 2015 quy định.

Tại phiên tòa ngày 15 tháng 9 năm 2017, bị đơn là bà Trần Thị Thanh V vắng mặt nhưng tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Bà có vay của bà N nhiều lần từ năm 2010 đến 2013, mỗi lần từ 10.000.000đồng hoặc 20.000.000đồng. Tổng số tiền bà vay bà N là 100.000.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi và bà vẫn thỉnh thoảng trả lãi cho bà N. Mỗi lần vay bà N đều bắt bà viết giấy hẹn ngày trả, khi đến hạn bà chưa trả được tiền cho bà N thì bà N lại bắt bà viết lại giấy biên nhận. Những tờ giấy bà N nộp cho Tòa án đều là do bà viết và bà N yêu cầu bà ghi cả tên chồng bà là “Nguyễn Văn H” vào giấy, thực tế chỉ có một mình bà vay và chi tiêu cá nhân không liên quan đến chồng bà. Bà đã trả cho bà N tiền nhiều lần tại nhà trọ bà N, tại chợ nơi bà N bán hàng và trả qua em gái hay bạn bà N, tổng cộng là số tiền là 75.000.000 đồng. Khi trả tiền bà không viết giấy trả và bà không yêu cầu bà N xé những giấy đã ghi vay tiền từ trước nên bà không có tài liệu gì để cung cấp cho Tòa án về việc đã trả tiền và bà N vẫn có các giấy bà ghi vay tiền để nộp cho Tòa án. Khi trả tiền cho bà N, có một số người biết nhưng bà không biết địa chỉ họ ở đâu để gọi ra Tòa làm chứng xác định việc bà đã trả tiền cho bà N. Hiện nay bà xác định còn nợ bà N 25.000.000 đồng tiền gốc. Còn tiền lãi từ lâu bà không trả cho bà N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm :

Về tố tụng : Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân theo theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 166 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N; Buộc bà Trần Thị Thanh V phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích N số

tiền 90.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Án phí: bà V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 20 tháng 12 năm 2016 bà Nguyễn Thị Bích N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Thanh V, địa chỉ số nhà 3, ngõ 1, tổ 4, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc trả bà số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi nên Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 2 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên và Hội Thư ký phiên tòa thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết nguyên đơn, bị đơn không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải sau khi họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2016 bà N kiện đòi bà V phải trả bà 100.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa bà N xin rút 10.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, chỉ yêu cầu bà V trả bà 90.000.000 đồng tiền gốc. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng của bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà N về số tiền 20.000.000 đồng. Bà N không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà N kiện đòi bà V số tiền 90.000.000 đồng tiền gốc, bà không yêu cầu gì về tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy: tại phiên tòa ngày 15 tháng 9 năm 2017 bà V vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà V thừa nhận có viết nhiều giấy vay của bà N với tổng số tiền là 100.000.000 đồng nhưng đã trả 75.000.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định:

“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc bà V đã vay của bà N 100.000.000 đồng là có thật.

Bà V trình bày đã trả tiền nhiều lần cho bà N tại đường, tại chợ, tại nhà trọ của bà N và bà trả qua em gái bà N hoặc cho bạn bà N, nay chỉ còn nợ bà N 25.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, Tòa án nhiều lần yêu cầu bà V cung cấp tên, địa chỉ hoặc cung cấp tài liệu chứng minh bà V đã trả cho tiền cho bà N hay đưa cho em gái hoặc bạn bà N nhưng bà V không cung cấp được tài liệu gì chứng minh đã trả tiền cho bà N. Do đó việc bà V trình bày đã trả hết cho bà N nay chỉ nợ 25.000.000 đồng không được Tòa án chấp nhận.

Quá trình giải quyết bà N trình bày bà cho bà V vay tổng số tiền là 100.000.000 đồng và chia làm nhiều lần. Bà V hẹn trả bà nhiều lần nhưng không trả được nên bà bắt bà V viết lại giấy các giấy vay nợ. Bà N đã xuất trình cho Tòa án nhiều giấy vay nợ của bà V: Giấy vay 75.000.000 đồng ngày 31/8/2013 (chữ 2014), giấy vay 50.000.000 ngày 10/8/2014, giấy vay 25.000.000 ngày 24/12/2014, Giấy vay 50.000.000 ngày 10/8/2014, giấy vay 50.000.000 đồng ngày 12/12/2014, giấy vay 15.000.000 không có ngày tháng cụ thể Sau đó bà N xin rút lại một số giấy và bà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay 50.000.000 ngày 10/8/2014 và giấy vay 50.000.000 ngày 10/8/2014 để xác định bà V có vay bà tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Nếu cộng tất cả các giấy bà N nộp thì số tiền bà V nợ bà N nhiều hơn 100.000.000 đồng, nhưng bà N chỉ khởi kiện yêu cầu bà V trả 100.000.000 đồng, điều đó chứng tỏ có nhiều giấy bà V viết lại nội dung. Bà N xác nhận bà V đã trả 10.000.000 đồng nên xác nhận bà V còn nợ bà N 90.000.000 đồng.

Về tiền lãi bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy bà N khởi kiện yêu cầu bà V phải trả số tiền 90.000.000 đồng là có căn cứ. Cần buộc bà V trả cho bà N số tiền này.

[3] Về án phí dân sự: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí.

Bà V phải chịu án phí 5% của số tiền 90.000.000 đồng là 4.500.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 464, 465, 466, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu kiện đòi 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) của bà Nguyễn Thị Bích N đối với bà Trần Thị Thanh V. .

2. Buộc bà Trần Thị Thanh V phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không nộp thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Thanh V phải chịu 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị Bích N không phải chịu tiền án phí, hoàn trả lại bà N 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003183 ngày 26 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

